TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST. Ngày 01 - 9 - 2017 V/v tranh chấp về ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Ông Hoàng Viết Toàn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; cư trú tại ngõ 20 khu tập thể Đ, thị trấn T, huyện L, thành phố Hải Phòng. Có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1987; cư trú tại đội 9, thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình bố, mẹ đẻ anh B ở đội 9, thôn H, xã Đ, huyện A. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B mải chơi, không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm

sống, tính cách không hợp, xảy ra va chạm cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình, chính quyền địa phương khuyên ngăn, hoà giải nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2015 chị đã bỏ đi nơi khác, sống ly thân với anh B. Từ đó đến nay, chị và anh B không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Bảo T– sinh ngày 23 tháng 5 năm 2013, con chung hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại Bản tự khai ngày 03 tháng 7 năm 2017 và tại Phiên hòa giải ngày 14 tháng 7 năm 2017, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị Nguyễn Thị H đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình bố, mẹ đẻ anh ở đội 9, thôn H, xã Đ, huyện A. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do anh mải chơi, thiếu trách nhiệm với vợ con vì vậy vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên xảy ra va chạm cãi vã nhau. Khi phát sinh mâu thuẫn chị H và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả do anh không chịu sửa chữa, khắc phục khuyết điểm. Do mâu thuẫn căng thẳng nên khoảng hai tháng nay, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn, anh Nguyễn Văn B xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên có quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án bác đơn xin ly hôn và giúp đỡ vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Nguyễn Thị H đã trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng đã vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn B; Về con chung, căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung Nguyễn Bảo T– sinh ngày 23 tháng 5 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh B cho chị H, khi nào chị H có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác, thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn Văn B đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn B vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2012. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh B mải chơi, không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xảy ra va chạm cãi, chửi nhau; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn. Anh Nguyễn Văn B không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được giải pháp gì để khắc phục trong khi mâu thuẫn xuất phát chủ yếu do lỗi của anh B, mặt khác anh B đã nhiều lần vắng mặt tại Tòa án mà không có lý do nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn B.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung Nguyễn Bảo T– sinh ngày 23 tháng 5 năm 2013, con chung hiện do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị H và anh B đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy quan điểm của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận; giao con chung Nguyễn Bảo T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh B cho chị H, khi nào chị H có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản.

[5] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 210, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo T- sinh ngày 23 tháng 5 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh Nguyễn Văn B cho chị Nguyễn Thị H, khi nào chị H có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Chị H đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004155 ngày 09 tháng 6 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch